

KHOA DU LỊCH

**RUBRIC CHẤM BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

| **Chi tiết** | **Xuất sắc (5 điểm)** | **Tốt (4 điểm)** | **Khá (3 điểm)** | **Trung bình (2 điểm)** | **Chưa đạt (1 điểm)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HÌNH THỨC (30% điểm)** |
| 1. Qui định chung về trình bày (10%)
 | Đáp ứng 5 yêu cầu :1/Đúng mẫu bìa của khoa2/Quy định kiểu chữ, canh lề & đánh số trang; 3/Quy định về tiêu đề, đề mục, bảng/hình;4/Quy định về liệt kê, và tạo ký tự đầu dòng5/Có tên đề tài báo cáo. | Đáp ứng 4 yêu cầu  | Đáp ứng 3 yêu cầu  | Đáp ứng 2 yêu cầu  | Hoàn toàn không theo qui định chung về trình bày |
| 1. Văn phong và chinh tả (10%)
 | Phù hợp văn phong báo cáoKhông có lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu. | Phù hợp văn phong báo cáoCó vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu. | Phù hợp văn phong báo cáoCó nhiều lỗi chính tả hoặc nhiều lỗi dấu chấm câu. | Có sử dụng văn nóiCó nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu. | Sử dụng nhiều văn nóiCó nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu. |
| 1. Bố cục (10%)
 | Đầy đủ các phần trong dàn ý báo cáo TTTNCó phụ lụcTrình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA | Đầy đủ các mục chính, thiếu 1-2 mục nhỏ trong dàn ýCó phụ lụcTrình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA | Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràngCó phụ lụcTrình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA | Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủCó một số phụ lục không liên quan đến báo cáoTrình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA | Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủ, không có phụ lục hoặc trình bày tài liệu tham khảo không đúng chuẩn APA |
| **NỘI DUNG (70% điểm)** |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Giới Thiệu Chung (10%)
 | Nêu mục đích của việc thực tậpCó đặt ra các mục tiêu cụ thểNêu và giải thích đề tài muốn tìm hiểu và đề tài có tính sáng tạo và có đóng góp cho ngành. | Nêu mục đích của việc thực tậpCó đặt ra các mục tiêu cụ thểNêu rõ đề tài muốn tìm hiểu và đề tài mang tính thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành. | Nêu mục đích của việc thực tậpCó đặt ra các mục tiêu cụ thểCó nêu đề tài liên quan đến chuyên ngành nhưng đề tài không cụ thể | Nêu mục đích của việc thực tập, mục tiêu không cụ thểCó nêu đề tài liên quan đến ngành. | Chỉ nêu mục đích, không có mục tiêuKhông nêu đề tài hoặc đề tài không liên quan đến ngành. |

 |
| 1. Giới thiệu công ty thực tập và bộ phận thực tập (10%)
 | Giới thiệucông ty thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về công tymột cách thuyết phụcGiới thiệu về bộ phận thực tập, đánh giá vai trò của bộ phận đối với công ty. | Giới thiệucông ty thực tập ngắn gọn và đủ thông tin Có nhận định cá nhân về công ty nhưng còn sơ sàiGiới thiệu về bộ phận thực tập, đánh giá vai trò của bộ phận đối với công ty. | Giới thiệucông ty thực tập và bộ phận thực tập ngắn gọn và đủ thông tin Không có nhận định đánh giá của cá nhân về công ty. | Giới thiệucông ty thực tập và bộ phận thực tập dài dòng và không đầy đủKhông có nhận định đánh giá của cá nhân về công ty. | Tham khảo từ nguồn mà không có trích dẫn. |
| 1. Công việc thực tập (10%)
 | Miêu tả súc tích cô đọng và có nhận định thuyết phục về công việc được giaoNêu và nhấn mạnh những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập và đó là nền tảng để làm đề tài. | Miêu tả xúc tích cô đọng nhưng có nhận định kém thuyết phục về công việc được giaoCó nêu những vấn đề có liên quan đến đề tài đã phát hiện trong thời gian thực tập. | Có miêu tả công việc được giao, đồng thời nêu những vấn đề có liên quan đến đề tài đã phát hiện trong thời gian thực tậpKhông có nhận định về công việc. | Miêu tả công việc được giao dài dòng, lủng củng nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập sơ xài, có liên quan đến đề tài. | Miêu tả công việc được giao sơ sài, không nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập, không liên quan đến đề tài. |
| 1. Phân tích vấn đề (10%)
 | Có nêu hiện trạng và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý.Có minh chứng/minh họa cụ thể và thuyết phục. | Có nêu hiện trạng và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý.Thiếu minh chứng/minh họa hoặc kém thuyết phục | Có nêu hiện trạng và nguyên nhân nhưng không phân tích được nguyên nhân của vấn đề. | Có nêu hiện trạng và nguyên nhân của vấn đề nhưng chưa hợp lý. Không có minh chứng/minh họa. | Không nêu được hiện trạng và nguyên nhân của vấn đề. |
| 1. Phương án giải quyết vấn đề (10%)
 | Các phương án giải quyết rõ ràng, khoa học và logicCó giải thích rõ ràng lý do chọn các phương án này. | Các phương án giải quyết rõ ràng, khoa học và logic Không giải thích lý do chọn các phương án này. | Có nêu các phương án giải quyếtCó nêu lý do nhưng không giải thích. | Có nêu các phương án giải quyếtKhông nêu lý do chọn các phương án này | Không nêu hoặc chỉ nêu một phương án giải quyếtKhông có giải thích lý do chọn phương án này |
| 1. Phân tích các giải pháp, kết quả tìm ra (10%)
 | Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả về tính khả thi và tính hiệu quả của các phương án đề raCó tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả có đóng góp cho ngành. | Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả về tính khả thi và tính hiệu quả của các phương án đề raCó tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ. | Chỉ đánh giá các kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ. | Chỉ nêu kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ. | Không nêu kết quả đạt được. |
| 1. Kết luận (10%)
 | Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt đượcCó nêu định hướng trong tương lai mang tính phát triển và đóng góp cho ngành.  | Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được, Có nêu định hướng trong tương lai một cách chung chung.  | Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt đượcKhông nêu định hướng trong tương lai.  | Kết luận và đánh giá kết quả đạt được chung chung, Không nêu định hướng trong tương lai.  | Không có kết luận hoặc không có đánh giá kết quả đạt được, không có định hướng trong tương lai. |